

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HNGĐ-ST.**

Ngày: 02/02/2021.

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đăng Tuấn.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc L**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang;

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thái Trần Q**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Bùi Thị Ngọc L yêu cầu:

Chị L và anh Nguyễn Thái Trần Q chung sống với nhau có đăng ký tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do trong cuộc sống hằng ngày vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm, lối sống. Do cuộc sống vợ chồng không hòa thuận nên từ năm 2018 đến nay vợ

chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm yêu thương nên chị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Thái Trần B, sinh ngày 17/3/2016. Hiện nay con chung đang do chị L chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi giải quyết ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con; không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn chị L cung cấp bao gồm: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản phô tô (có chứng thực) chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Ngọc L, sổ hộ khẩu; bản sao trích lục khai sinh.

Bị đơn - anh Nguyễn Thái Trần Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Anh Q và Bùi Thị Ngọc L chung sống với nhau có đăng ký tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào năm 2015. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp về tính cách, lối cư xử giao tiếp nên thường xuyên cãi vã nhau. Nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, không còn qua lại liên lạc và hàn gắn tình cảm. Thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm với nhau nên anh Q đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Q và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Thái Trần B, sinh ngày 17/3/2016. Hiện nay con chung đang do chị L chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi giải quyết ly hôn thì anh Q đồng ý giao con cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh Q không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền về việc giải quyết ly hôn, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định BLTTDS, tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp và hòa giải cho đương sự, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng vụ án giải quyết đúng thời hạn theo quy định của BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định BLTTDS. Tại phiên tòa vắng mặt chị L và anh Q. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, Hội đồng tiến hành xét xử là phù hợp.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, L phí Tòa án, đề nghị như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Thái Trần Q.

+ Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Ngọc L có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Nguyễn Thái Trần B, sinh ngày 17/3/2016 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Thái Trần Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom chăm sóc con, chị L không được ngăn cản.

+ Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Ngọc L:

Chị L và anh Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào năm 2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau đó chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn rồi sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị L làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Q vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau, trước đây chung sống đã xảy ra bất đồng, mâu thuẫn, thiếu sự quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Anh Q thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng bất đồng trong tình cảm và lối sống, nên cả hai sống ly thân từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên anh Q đồng ý ly hôn với chị L. Chị L và anh Q nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn đoàn tụ và đều có đơn từ chối tham gia hòa giải và xét xử vắng mặt. Nên vụ án thuộc trường hợp không

tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy: Giữa chị L và anh Q đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mặt khác hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng từ cả hai phía, trong khi đó bản thân chị L và anh Q đều xác định đã không còn tình cảm và không mong muốn tiếp tục chung sống với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, quyết định cho chị L được ly hôn với anh Q, để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh Q có một người con chung tên Nguyễn Thái Trần B, sinh ngày 17/3/2016. Cháu B đang do chị L chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay đang học tập, sinh sống ổn định tại Ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Chị L và anh Q đã thống nhất với nhau về việc tiếp tục giao cháu B cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Nên cần tiếp tục giao cho chị L có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thái Trần B, sinh ngày 17/3/2016 cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203, 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - chị Bùi Thị Ngọc L.

1. *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Thái Trần Q.

2. *Về con chung:* Chị Bùi Thị Ngọc L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Nguyễn Thái Trần B, sinh ngày 17/3/2016 cho đến khi thành niên.

Anh Nguyễn Thái Trần Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí:* Chị Bùi Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N.0004446, ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí